|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/QĐ-UBND | *Lai Châu, ngày tháng năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Dự thảo**

**Quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật* [*Tổ chức chính quyền địa phương*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-to-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-2015-282380.aspx) *ngày 19/6/201; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 8 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2023.*

# QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:**

1. Dự án phát triển sản xuất nông nghiệp
2. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định tại điểm b Điều này:

* Tập huấn kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/ 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
* Chi hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, chuyển giao kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư 46/2022/TT-BTC.

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực:

* Trồng trọt: Hỗ trợ 100% giống; 50% chi phí (giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư).
* Chăn nuôi: chăn nuôi trâu, bò, lợn, dê, ngựa. Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/hộ, trong đó có 100% chi phí vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, 50% chi phí thức ăn chăn nuôi lợn.

Điều kiện hỗ trợ: Chỉ hỗ trợ cho những hộ có chuồng trại chăn nuôi, thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

* Nuôi ong: Áp dụng theo quy định tại điểm 5.9 khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu
* Lâm nghiệp: Hỗ trợ 100% cây giống; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để trồng rừng sản xuất. Mức tối đa 10 triệu đồng/1ha.
* Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ 70% giống, 50% chi phí các loại (thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ,

dụng cụ sản xuất, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản), mức hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/hộ.

1. Chi xây dựng và quản lý dự án: theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư 46/2022/TT-BTC.
2. Dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng:
3. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều này.
4. Hỗ trợ theo các lĩnh vực để phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.
5. Hỗ trợ 100% giá vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ, hình thức hỗ trợ theo hộ hoặc nhóm hộ.
6. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án: theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều

này.

1. Tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các

giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả

1. Hỗ trợ xây dựng tài liệu tập huấn, tư vấn; hỗ trợ tổ chức, quản lý các lớp tập huấn: theo điểm a, khoản 1 Điều này.
2. Hỗ trợ xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn về quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả: theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 46/2022/TT-BTC.

# Điều 2: Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung thay thế đó.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh ( qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

# Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như Điều 3; * Văn phòng Chính phủ; * Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động-TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; * Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp; * TT. Tỉnh ủy; * TT. HĐND tỉnh; * Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; * Sở Tư pháp; * Cổng thông tin điện tử tỉnh; * Công báo tỉnh; * Lưu: VT, KTN, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**  **Trần Tiến Dũng** |